

BỘ NÔNG NGHIỆP  
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN  
TỔNG CỤC THỦY SẢN

Số: **2085**/TCTS - KTBVNL

V/v hướng dẫn cách ghi nhãn  
khai thác hải sản theo quy định EC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày **11** tháng 8 năm 2014

Kính gửi: Hiệp hội chế biến và Xuất khẩu thủy sản Việt Nam

Ngày 12 tháng 11 năm 2013, Tổng cục Thủy sản đã ban công văn số 3027/TCTS-KTBVNL về việc hướng dẫn cách ghi nhãn khai thác trong Giấy xác nhận nguyên liệu thủy sản khai thác. Tuy nhiên, ngày 11/12/2013, liên minh Châu Âu ban hành Quy định số 1379/2103 về tổ chức thị trường chung đối với sản phẩm thủy sản và thủy sản nuôi (có hiệu lực từ 01/01/2014), trong đó có nội dung liên quan đến hướng dẫn cách ghi nhãn khai thác được sử dụng trên nhãn mác đối với các sản phẩm có nguồn gốc từ thủy sản khai thác.

Để thực hiện đúng quy định của Liên minh Châu Âu, tránh vướng mắc trong việc xuất khẩu thủy sản vào thị trường này, Tổng cục Thủy sản đề nghị Hiệp hội chế biến và Xuất khẩu thủy sản Việt Nam thông báo đến các doanh nghiệp thành viên việc áp dụng cách ghi nhãn khai thác thủy sản theo quy định số 1379/2103 của Liên minh Châu Âu thay cho cách ghi nhãn khai thác tại công văn số 3027/TCTS – KTBVNL của Tổng cục Thủy sản ngày 12/11/2013 (*Phụ lục hướng dẫn cách khai báo nghề khai thác gửi kèm*).

Tổng cục Thủy sản đề nghị Hiệp hội chế biến và Xuất khẩu thủy sản Việt Nam phối hợp thực hiện./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lãnh đạo TCTS;
- Cục NAFIQAD;
- Chi cục KT&BVNLTS các tỉnh, thành phố ven biển;
- Lưu: VT, KTBVNL.

**KT. TỔNG CỤC TRƯỞNG  
PHÓ TỔNG CỤC TRƯỞNG**



(Ban hành kèm theo công văn số 2085/TCTS – KTBVNL ngày 11 tháng 8 năm 2014 của Tổng cục Thủy sản)

## BẢNG VIẾT TẮT ĐỐI VỚI CÁC NGHỀ KHAI THÁC THỦY SẢN

(Căn cứ theo quy định số 1379/2013 ngày 11/12/2013 của EU về tổ chức chung của thị trường đối với sản phẩm nuôi và khai thác)

Họ nghề khai thác	Quy định viết tắt đối với từng loại nghề	
Nghề lưới kéo/Nghề lưới giã (Trawls)	Nghề giã sào/Nghề kéo giã sào/Nghề kéo đôi (Beam trawls)	TBB
	Nghề kéo đáy đơn/Nghề giã ván đáy (Bottom otter trawls)	OTB
	Nghề kéo đôi đáy/Nghề kéo đôi (Bottom pair trawls)	PTB
	Nghề giã ván trung tầng (Midwater otter trawls)	OTM
	Nghề kéo đôi nổi (Pelagic pair trawls)	PTM
	Nghề giã ván đôi (Otter twin trawls)	OTT
Nghề rê và các loài tương tự (Gillnets and similar nets)	Nghề rê cố định (Set gillnets)	GNS
	Nghề rê trôi (Driftnets)	GND
	Nghề rê bao (Encircling gillnets)	GNC
	Nghề rê ba lớp (Trammel nets)	GTR
	Nghề rê ba lớp kết hợp (Combined trammel and gillnets)	GTN
Nghề lưới bao và nâng (Surrounding nets and lift nets)	Nghề vây (Purse seines)	PS
	Nghề vó mảnh (Boat operated lift nets)	LNB
	Nghề vó mảnh cố định (Shore-operated stationary lift nets)	LNS
Nghề câu (Hooks and lines)	Nghề câu tay (Hand lines)	LHP
	Nghề câu vẩy (Pole and lines)	
	Nghề câu tay và câu chạy (Có máy thu câu) (Hand lines and pole lines (mechanised))	LHM
	Nghề câu vàng cố định (Set longlines)	LLS
	Nghề câu vàng trôi nổi (Longlines (drifting))	LLD
Nghề lưới vét	Nghề lưới vét kéo bằng tàu (Boat dredges)	DRB
	Nghề lưới vét kéo bằng tay ở trên tàu (Hand dredges used on board a vessel)	DRH
Nghề lồng bẫy (Pots and traps)	Lồng (bẫy) Pots (traps)	FPO

09443997